TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/KDTM-PT
Ngày: 29/12/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán **:** **Ông Nguyễn Thái Sơn**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 29/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 247/TLPT-KDTM ngày 16/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2023/KDTM-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận T3, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 794/2023/QĐXX-PT ngày 29/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 838/2023/QĐ-HPT ngày 14/12/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty TNHH H Việt Nam;**

Địa chỉ: Lầu 7, tòa nhà Phượng Long 2, số 16 đường T, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông MATSUURA MASAZUMI – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Từ Thị Hồng H – Công ty Luật TNHH Đ Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 5, Lô V5.8, tòa nhà Imperia Garden, số 203 đường T1, , phường T2, quận T3, thành phố Hà Nội. (*Theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2023*).

2. **Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1.**

Trụ sở: số 86 đường L, phường K, quận T3, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh L và bà Đinh Thị N. Địa chỉ: Phòng 1202 sảnh B, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường K, phường N, quận T3, thành phố Hà Nội. (*Theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2022*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2019, Công ty TNHH H Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (*sau đây viết tắt là Công ty H*) và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1 (*sau đây viết tắt là Công ty M 1*) đã ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 về việc cung cấp, thi công lắp dựng và tháo dỡ hệ thống văng chống cho dự án "Trụ sở Hợp tác xã Công nghiệp tháng 10" tại địa chỉ: 508 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thực hiện công việc hợp đồng, Công ty H đã cung cấp đầy đủ khối lượng vật tư và thi công lắp dựng theo đúng yêu cầu của Công ty M 1. Ngày 31/5/2019, các bên đã ký Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán là: **983.609.112 đồng**. Đồng thời, Công ty H đã tiến hành lập các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty M 1 đối với toàn bộ giá trị quyết toán gồm:

(1) Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000170 ngày 28/02/2019 với giá trị là: 286.500.273 VNĐ;

(2) Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000176 ngày 31/3/2019 với giá trị là: 433.272.151 VNĐ;

(3) Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000211 ngày 31/5/2019 với giá trị là: 263.836.688 VNĐ.

Căn cứ quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng về tiến độ thanh toán, Công ty M 1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H theo thời hạn như sau:

"- Thanh toán đợt: (...) Thời gian thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán từ Bên B. (...).

- Quyết toán: (...) Bên A thanh toán nốt giá trị con lại cho Bên B trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán từ Bên B ..."

Theo đó, thời hạn cuối cùng Công ty M 1 phải thanh toán cho Công ty H toàn bộ giá trị công nợ đợt cuối là trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên, đến nay Công ty M 1 mới chỉ thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là: **883.609.112 đồng**, cụ thể:

STT	Thời gian	Nội dung	Số tiền (VNĐ)

1	23/01/2019	CT CP DTPT Nha M 1 tam ung tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	100.000.000
2	18/02/2019	CT CP DTPT Nha M 1 tam ung tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	100.000.000
3	25/03/2019	CT CP DTPT Nha M 1 tam ung tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	200.000.000
4	25/04/2019	CT CP DTPT Nha M 1 TT tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	70.000.000
5	27/06/2019	CT CP DTPT Nha M 1 tam ung tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	300.000.000
6	03/08/2019	CT CP DTPT Nha M 1 TT tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	50.000.000
7	30/10/2020	CT CP DTPT Nha M 1 TT tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	50.000.000
8	26/01/2021	CT CP DTPT Nha M 1 TT tien thue thep hinh CT 508 Truong Chinh	13.609.112
TỔNG ĐÃ THANH TOÁN			**883.609.112**
CÒN PHẢI THANH TOÁN			**100.000.000**

Như vậy, đến nay số tiền nợ gốc còn lại Công ty M 1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty H là: **100.000.000 VNĐ** *(số tiền này chưa bao gồm tiền lãi chậm thanh toán, phạt, bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận tại Hợp đồng và quy định pháp luật).* Mặc dù Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty M 1 nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay Công ty M 1 không thiện chí hợp tác, cố tình trì hoãn và tìm mọi lý do để trốn tránh việc. Hành vi này xâm phạm nghiêm trọng Hợp đồng đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019, vi phạm quy định của pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì hiện nay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đang áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn khoảng 12,5%/năm. Tuy nhiên, trong vụ án này, Công ty H chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất quá hạn là 10%/năm đối với Công ty M 1 trên số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Theo đó, tạm tính đến ngày 27/05/2022, Công ty M 1 còn phải trả cho Công ty H số tiền lãi do chậm thanh toán các đợt theo Hợp đồng số tiền là: **50.458.714 đồng**.

Vì vậy, tại Đơn khởi kiện, căn cứ Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty H kính đề nghị Tòa án nhân dân quận T3, thành phố Hà Nội giải quyết buộc Công ty M 1 phải thanh toán cho chúng tôi tổng số tiền tạm tính

đến ngày 27/05/2022 là: **150.458.714 đồng**. Trong đó:

- Số tiền nợ gốc: **100.000.000 đồng**;

- Tiền lãi do chậm thanh toán, tạm tính đến ngày 27/05/2022, với mức lãi suất tạm tính 10%/năm, số tiền là: **50.458.714 đồng**.

Ngày 24/7/2023, Công ty H có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện về phần yêu cầu tình lãi chậm trả. Cụ thể: lãi suất chậm trả đề nghị áp dụng là 12%/năm. Thời gian chậm trả tính từ sau thời điểm thanh toán gần nhất là từ ngày 27/01/2021, tạm tính đến ngày 03/8/2023 số tiền chậm trả phải thanh toán là 30.180.822 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty M 1 phải thanh toán là **130.180.822 đồng**.

2. Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1 (Bị đơn) trình bày:

Công ty M 1 xác nhận hai bên có ký Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019. Hợp đồng này Công ty M 1 đã thực hiện xong. Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà Nguyên đơn đòi thì Công ty M 1 không đồng ý vì số tiền này Công ty M 1 đã thanh toán cho Nguyên đơn trước khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 và không còn nợ khoản tiền gốc nào.

Nguyên đơn cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là tiền tạm ứng cho công trình khác là không đúng vì tại thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty M 1 không ký kết hợp đồng nào khác với Nguyên đơn. Đề nghị Nguyên đơn cung cấp chứng cứ liên quan đến việc giao dịch giữa các bên tại công trình Đại Kim Hà Nội.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Công ty H**:** Yêu cầu Công ty M 1 phải thanh toán cho Công ty H toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi phạt chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là: **130.904.100 đồng**, cụ thể:

+ Tiền gốc: 100.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 30.904.100 đồng.

- Công ty M 1**:** Công ty M 1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Yêu cầu Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giao dịch giữa hai công ty ở công trình Đại Kim. Việc thanh toán hợp đồng 0401/HĐKT ngày 04/01/2019, bên Công ty M 1 đã thanh toán đầy đủ số tiền 983.609.112 đồng đúng bằng số tiền các bên đã nghiệm thu và quyết toán theo các hóa đơn giá trị gia tăng mà bên Công ty H đã xuất và không còn nợ bất kỳ số tiền nào khác. Do hai bên không ký bất kỳ hợp đồng nào khác nên đã thống nhất chuyển số tiền tạm ứng tại 03 ủy nhiệm chi cho phần còn thiếu của Hợp đồng 0401/HĐKT ngày 04/01/2019.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2023/KDTM-ST ngày 25/8/2023, Toà án nhân dân quận T3 quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H Việt Nam đối với Công

ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1.

- Buộc Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1 phải thanh toán tiền cho Công ty TNHH H Việt Nam số tiền là: **130.904.100 đồng** (Tiền gốc: 100.000.000 đồng; tiền lãi: 30.904.100 đồng).

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Sau phiên tòa sơ thẩm:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 06/9/2023, Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1 có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2023/KDTM-ST ngày 25/8/2023 của Toà án nhân dân quận T3, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

5. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm, Công ty M 1 xuất trình bản sao Công văn số 0401/2019/CV-M 1 ngày 04/01/2019 của Công ty M 1 với nội dung: "*Để đảm bảo tiến độ thi công công trình thuộc dự án tại khu X2 Đại Kim theo kế hoạch dự kiến, Công ty M 1 đã tạm ứng cho Công ty H – Chi nhánh Hà Nội tiền thuê théo hình với tổng số tiền là 100.000.000 đồng vào các ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018. Tuy nhiên, Công ty chúng tôi đã không dự thầu và không thi công tại công trình này. Đến nay, các bên cũng chưa thực hiện việc vận chuyển và giao nhận thép hình để thi công công trình tại khu X2 Đại Kim. Vì vậy, chúng tôi đề nghị Quý Công ty không chuyển trả lại số tiền tạm ứng 100.000.000 đồng mà chuyển số tiền này sang thanh toán cho công trình tại dự án "Trụ sở hợp tác xã tháng 10" số 508 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 đã ký giữa hai bên*". **Ngoài công văn trên, Công ty M 1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện Công ty H đã nhận được công văn và đã có ý kiến đồng ý với đề nghị của Công ty M 1**.

* Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn là Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là Công ty M 1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của Công ty M 1 (bị đơn) trình bày nội dung kháng cáo như sau:

Công ty M 1 dự kiến sẽ dự thầu và thi công công trình thuộc dự án tại khu

X2 Đại Kim. Để chuẩn bị đầy đủ vật tư đảm bảo tiến độ thi công cho công trình, Công ty M 1 đã tạm ứng cho Công ty H tiền thuê thép hình với tổng số tiền là 100.000.000 đồng theo 03 ủy nhiệm chi vào các ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018. Tuy nhiên, sau đó Công ty M 1 đã không dự thầu và không thi công công trình thuộc dự án tại khu X2 Đại Kim. Do vậy, ngày 04/01/2019, Công ty M 1 đã gửi công văn số 0401/2019/CV-M cho Công ty H không chuyển trả lại số tiền tạm ứng 100.000.000 đồng mà chuyển số tiền này sang thanh toán cho công trình tại dự án "Trụ sở hợp tác xã tháng 10" số 508 Trường Chinh theo Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 đã ký giữa hai bên.

Công ty M 1 không ký hợp đồng với Công ty H về việc "*cung cấp và lắp dựng, tháo dỡ hệ sàn đạo và văng chống tại dự án Nhà ở thương mại phục vụ tái định cư tại khu X2 Đại Kim*". Công ty H không đưa ra được những chứng cứ thể hiện có Hợp đồng, có thỏa thuận, có giao kết giữa hai bên tại công trình Đại Kim. Ngoài Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019, Công ty M 1 không ký kết hợp đồng hay thực hiện bất cứ giao dịch dân sự nào khác với Công ty H nên không có bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào khác cho Công ty H. Công ty H cho rằng tổng số tiền 100.000.000 đồng theo 03 ủy nhiệm chi vào các ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018 là thanh toán cho công trình Đại Kim chứ không phải cho công trình tại Trường Chinh là không đúng.

Như vậy, Công ty M 1 đã thanh toán đầy đủ cho Công ty H tổng số tiền là 983.609.112 đồng đúng bằng số tiền mà các bên đã nghiệm thu và quyết toán. Do đó, yêu cầu của Công ty H buộc Công ty M 1 phải thanh toán số tiền còn nợ 100.000.000 đồng và lãi chậm trả là không có cơ sở.

Mặt khác, yêu cầu khởi kiện của Công ty H đề nghị thanh toán đối với Hợp đồng 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

- *Đại diện theo ủy quyền của Công ty H (nguyên đơn) trình bày*:

Việc Công ty M 1 cho rằng 100.000.000 đồng theo 03 ủy nhiệm chi ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018 là tiền tạm ứng trước khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 là không có căn cứ, vì:

Thứ nhất, Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT được các bên ký kết vào ngày 04/01/2019, trước thời điểm phát sinh 03 ủy nhiệm chi do Công ty M 1 cung cấp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Công ty M 1 không xuất trình được bất kỳ hồ sơ, tài liệu chứng minh về việc các bên có thỏa thuận chuyển tạm ứng trước thời điểm ký kết Hợp đồng.

Thứ hai, theo quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 về tạm ứng thì: Sau khi ký Hợp đồng và Công ty H đã chuyển một chuyến vật tư đến công trường, Công ty M 1 sẽ tạm ứng cho Công ty H số tiền 100.000.000 đồng. Sau 10 ngày từ đợt tạm ứng đầu tiên, Công ty M 1 tạm ứng thêm cho Công ty H 100.000.000 đồng.

Thực tế, ngày 23/01/2019, Công ty M 1 đã chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty H số tiền 100.000.000 đồng với nội dung: "*Công ty CP DTPT Nha M 1 tam ung tien thue thep hinh Công ty 508 Truong Chinh*".

Thứ ba, sau khi được tiếp cận, sao chụp 03 Ủy nhiệm chi do Công ty M 1 cung cấp, Công ty H đã đề nghị Ngân hàng MUFG Bank – Chi nhánh thành phố Hà Nội cung cấp Giấy báo có liên quan đến 03 khoản chuyển khoản này. Căn cứ Giấy xác nhận thông tin giao dịch tài khoản kèm theo Giấy báo có của Ngân hàng MUFG Bank – Chi nhánh thành phố Hà Nội thì phát hiện có một điểm cần lưu ý là tại 03 ủy nhiệm chi do Công ty M 1 cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung chuyển tiền như sau:

- Theo Ủy nhiệm chi ngày 13/7/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép công trình.*

- Theo Ủy nhiệm chi ngày 11/9/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép đợt 2 công trình.*

- Theo Ủy nhiệm chi ngày 22/10/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép đợt 3 công trình.*

Trong khi đó, tại Giấy xác nhận thông tin giao dịch tài khoản kèm theo Giấy báo có của Ngân hàng MUFG Bank – Chi nhánh thành phố Hà Nội cung cấp thì thể hiện:

- Theo Giấy báo có ngày 13/7/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép công trình Dai Kim.*

- Theo Giấy báo có ngày 11/9/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép đợt 2 công trình Dai Kim.*

- Theo Giấy báo có ngày 22/10/2018: *Công ty CP DTPT Nha M 1 tạm ứng tiền thuê thép đợt 3 công trình Dai Kim.*

Về việc Ủy nhiệm chi do Công ty M 1 cung cấp không trùng khớp với nội dung Giấy báo có của Ngân hàng MUFG Bank – Chi nhánh thành phố Hà Nội. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử cũng đã nhận định "*Quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu bị đơn xuất trình 03 giấy ủy nhiệm chi bản chính gồm: Ủy nhiệm chi ngày 13/07/2018, ngày 11/09/2018 và ngày 20/10/2018. Qua đối chiếu với bản chính thấy nhìn bằng mắt thường cả 03 ủy nhiệm chi trên có sự tẩy xóa phần nội dung*".

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H buộc Công ty M 1 phải thanh toán số tiền còn nợ 100.000.000 đồng là đúng pháp luật, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty M 1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy theo Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán ngày 31/5/2019, không bên nào có ý kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và giá trị phải thanh toán là: 983.609.112 đồng nên có hiệu lực pháp luật.

Công ty M 1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Công ty H đã nhận được công văn đề nghị chuyển tiền tạm ứng và đã có ý kiến đồng ý với đề nghị của Công ty M 1 về việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT. Do đó, không có cơ sở để xác định Công ty H đồng ý chuyển số tiền 100.000.000 đồng đã tạm ứng tại công trình X2 Đại Kim để thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty M 1.

Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/7/2023, Công ty H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ ngày 02/7/2019 đến ngày 27/01/2021. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với việc rút một phần yêu cầu này là thiếu sót. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 07/9/2023, Toà án nhân dân quận T3 nhận được đơn kháng cáo của Công ty M 1 kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2023/KDTM-ST ngày 25/8/2023 của Toà án nhân dân quận T3. Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty M 1 làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/5/2019, các bên ký Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán là: 983.609.112 đồng. Theo thỏa thuận tại mục 5.2 Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT thì Công ty M 1 phải thanh toán nốt giá trị còn lại cho Công ty H trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Công ty M 1 nhận đủ hồ sơ quyết toán. Như vậy, kể từ ngày 01/7/2019, Công ty M 1 phải có nghĩa vụ thanh toán nốt giá trị còn lại cho Công ty H. Ngày 26/7/2021 là gày cuối cùng Công ty M 1 thanh toán một phần số tiền còn nợ là 13.609.112 đồng.

Tại Điều 157 Điều 157 Bộ Luật dân sự quy định:

"1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:

a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;

c) Các bên đã tự hòa giải với nhau.

2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này".

Như vậy, theo quy định tại Điều 157 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện được tính lại từ ngày 27/01/2021. Ngày 27/5/2022, Công ty H nộp đơn khởi kiện nên vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty M 1 mới đưa ra yêu cầu nay là không được chấp nhận.

[2].Về nội dung kháng cáo:

Ngày 04/01/2019, Công ty TNHH H Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1 đã ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 về việc cung cấp, thi công lắp dựng và tháo dỡ hệ thống văng chống cho dự án "Trụ sở Hợp tác xã Công nghiệp tháng 10" tại địa chỉ: 508 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thực hiện công việc hợp đồng, Công ty H đã cung cấp khối lượng vật tư và thi công lắp dựng theo yêu cầu của Công ty M 1. Ngày 31/05/2019, các bên đã ký Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán là: **983.609.112 đồng**. Đồng thời, Công ty H đã tiến hành lập các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty M 1 đối với toàn bộ giá trị quyết toán.

Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán ngày 31/5/2019, không bên nào có ý kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và giá trị phải thanh

toán là: 983.609.112 đồng. Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên có hiệu lực pháp luật

Hiện nay, hai bên chỉ tranh chấp đối với số tiền 100.000.000 đồng. Trong đó:

- Công ty H khởi kiện cho rằng tổng giá trị thanh toán của công trình là 983.609.112 đồng, Công ty M 1 mới thanh toán 883.609.112 đồng, còn 100.000.000 đồng chưa thanh toán. Số tiền 100.000.000 đồng mà Công ty M 1 cho rằng đã thanh toán là thanh toán tạm ứng cho công trình tại khu X2 Đại Kim.

- Còn Công ty M 1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã thống nhất chuyển số tiền 100.000.000 đồng tạm ứng tại công trình tại khu X 2 Đại Kim thanh toán cho Hợp đồng 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 do Công ty M 1 không được nhận thầu công trình tại khu X2 Đại Kim. Công ty M 1 không ký kết với Công ty H hợp đồng kinh tế nào khác ngoài Hợp đồng 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 nêu trên. Do đó, Công ty M 1 đã thanh toán đầy đủ số tiền 983.609.112 đồng cho Công ty H theo đúng biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán.

Xét thấy:

Quá trình giải quyết Tòa án, các đương sự xuất trình 03 giấy ủy nhiệm chi gồm: Ủy nhiệm chi ngày 13/07/2018, ngày 11/09/2018 và ngày 20/10/2018. Tại giấy xác nhận thông tin giao dịch tài khoản của Ngân hàng MUFG Bank, LTD - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 11/8/2022 (*bút lục 125*) thể hiện tại các ngày 13/7/2018, ngày 11/9/2018 và ngày 20/10/2018 Công ty M 1 chuyển tiền cho Công ty H nội dung chuyển tiền là tạm ứng tiền thuê thép công trình Đại Kim.

Công ty M 1 trình bày: Công ty M 1 dự kiến sẽ dự thầu và thi công công trình thuộc dự án tại khu X2 Đại Kim. Để chuẩn bị đầy đủ vật tư đảm bảo tiến độ thi công cho công trình, Công ty M 1 đã tạm ứng cho Công ty H tiền thuê thép hình với tổng số tiền là 100.000.000 đồng theo 03 ủy nhiệm chi vào các ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018. Tuy nhiên, sau đó Công ty M 1 đã không dự thầu và không thi công công trình thuộc dự án tại khu X2 Đại Kim. Do vậy, ngày 04/01/2019, Công ty M 1 đã gửi Công văn số 0401/2019/CV-M cho Công ty H đề nghị không chuyển trả lại số tiền tạm ứng 100.000.000 đồng mà chuyển số tiền này sang thanh toán cho số tiền còn thiếu tại dự án "Trụ sở hợp tác xã tháng 10" số 508 Trường Chinh theo Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 đã ký giữa hai bên.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty M 1 xuất trình bản sao Công văn số 0401/2019/CV-M 1 ngày 04/01/2019 của Công ty M 1 với nội dung: "*Để đảm bảo tiến độ thi công công trình thuộc dự án tại khu X2 Đại Kim theo kế hoạch dự kiến, Công ty M 1 đã tạm ứng cho Công ty H – Chi nhánh Hà Nội tiền thuê thép hình với tổng số tiền là 100.000.000 đồng vào các ngày 13/7/2018, 11/9/2018, 22/10/2018. Tuy nhiên, Công ty chúng tôi đã không dự thầu và không thi công tại công trình này. Đến nay, các bên cũng chưa thực hiện việc vận chuyển và giao nhận thép hình để thi công công trình tại khu X2 Đại Kim. Vì vậy, chúng tôi đề nghị Quý Công ty không chuyển trả*

lại số tiền tạm ứng 100.000.000 đồng mà chuyển số tiền này sang thanh toán cho công trình tại dự án "Trụ sở hợp tác xã tháng 10" số 508 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 đã ký giữa hai bên". Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty M 1 không cung cấp được Công văn trên nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty H buộc Công ty M 1 phải trả số tiền còn thiếu của Hợp đồng số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 số tiền là 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, ngoài công văn trên, tại cấp phúc thẩm Công ty M 1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Công ty H đã nhận được công văn và đã có ý kiến đồng ý với đề nghị của Công ty M 1. Tại phiên tòa, Công ty M 1 cũng thừa nhận việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT hai bên chỉ trao đổi qua lại và thống nhất chứ không có văn bản giấy tờ thỏa thuận việc chuyển số tiền. Còn Công ty H không thừa nhận có việc thỏa thuận chuyển tiền tạm ứng từ Công trình X2 Đại Kim để thanh toán cho công trình tại dự án "Trụ sở hợp tác xã tháng 10" số 508 Trường Chinh.

Giả sử ngày 04/01/2019, Công ty M 1 ký Công văn số 0401/2019/CV-M 1, cùng với ngày ký Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 và Công ty H đồng ý chuyển số tiền 100.000.000 đồng để thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT là thật thì không thể có việc tiếp đó ngày 23/01/2019, Công ty M 1 lại tiếp tục thanh toán tạm ứng 100.000.000 đồng cho Công ty H.

Do đó, không có cơ sở để xác định Công ty H đồng ý chuyển số tiền 100.000.000 đồng đã tạm ứng tại công trình X2 Đại Kim để thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT.

Mặt khác, đây là 02 Hợp đồng kinh tế độc lập, không liên quan đến việc thanh toán đối trừ nghĩa vụ của nhau. Tại cấp sơ thẩm, Công ty M 1 không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc Công ty H phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã tạm ứng nên theo quy định tại Điều 293 Bộ Luật tố tụng dân sự về giới hạn của việc xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết được cùng trong vụ án này. Trường hợp Công ty M 1 có yêu cầu và tài liệu, chứng cứ chứng minh thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Công ty H phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã tạm ứng tại Công trình X2 Đại Kim. Do đó, giành quyền khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng bằng vụ án khác nếu Công ty M 1 có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1.

** Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán:*

Tại đơn khởi kiện, Công ty H yêu cầu Công ty M 1 trả lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 27/5/2022, với lãi suất 10%/năm là **50.458.714 đồng.**

Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/7/2023, Công ty H có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện về phần lãi suất. Cụ thể lãi suất mức 12%/năm tạm tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày 03/8/2023 số tiền là 30.180.822 đồng.

Xét thấy:

- Về thời điểm bắt đầu tính lãi chậm trả:

Tại Điều 5.2 của Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019có thỏa thuận: "*Bên A thanh toán nốt giá trị còn lại cho Bên B trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán B*".

Ngày 31/5/2019, hai bên ký biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán. Do đó, căn cứ thỏa thuận tại Điều 5.2 Hợp đồng về tiến độ thanh toán, Công ty M 1 có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị công nợ cho Công ty H trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 31/5/2019, tức là từ ngày 02/7/2019, Công ty M 1 phải có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị công nợ cho Công ty H. Tuy nhiên, tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/7/2023, Công ty H có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty M 1 thanh toán tiền lãi chậm trả từ sau đợt thanh toán cuối cùng, tức là từ ngày 27/01/2021 cho đến nay. Việc không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ ngày 02/7/2019 đến ngày 27/01/2021 là sự tự nguyện rút một phần yêu cầu của Công ty H, có lợi cho Công ty M 1 nên được chấp nhận.

- Về mức lãi suất chậm trả:

Căn cứ vào nội dung công việc phải thực hiện theo Hợp đồng thì Hợp đồng kinh tế số 0401/HĐKT ngày 04/01/2019 là hợp đồng thi công, thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 138, Điều 140 Luật xây dựng. Căn cứ Điều 146 Luật Xây dựng, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì "*Lãi suất chậm trả theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán và được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*". Do đó, trong vụ án này, lãi suất chậm trả phải là lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi Công ty H (bên nhận thi công) mở tài khoản thanh toán và được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Công ty M 1 thanh toán đầy đủ cho Công ty H. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật thương mại để xác định lãi suất chậm trả là không đúng.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty H cung cấp thông tin lãi suất quá hạn của Ngân hàng Seabank, là một trong những Ngân hàng thương mại mà Công ty H mở tài khoản, lãi suất quá hạn khoảng 16,5%/năm. Công ty H chỉ yêu cầu Công ty M 1 thanh toán tiền lãi chậm trả với lãi suất 12%/năm là có lợi cho Công ty M 1 nên được chấp nhận.

Như vậy, đối với yêu cầu số tiền lãi chậm trả, Công ty H yêu cầu Công ty M 1 phải thanh toán theo lãi suất mức 12%/năm tạm tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày 03/8/2023 là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể là:

100.000.000 đồng * 12%/năm * 940 ngày = **30.904.109 đồng**.

[3]. Các nội dung khác liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm:

- Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm quyết định: "*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án*". Quyết định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng với hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đối với phần quyết định trên cần sửa về cách tuyên như sau: "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015*".

- Tại Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/7/2023, Công ty H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ ngày 02/7/2019 đến ngày 27/01/2021. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với việc rút một phần yêu cầu này là thiếu sót.

- Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn có trình bày về việc Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm thủ tục tố tụng như: Hòa giải viên là Giám đốc Công ty luật, một trong những người đại diện theo quy quyền của nguyên đơn là Luật sư tập sự. Hội đồng xét xử nhận thấy những nội dung trên là những vi phạm không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất, tình tiết khách quan của vụ án.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 157, Điều 357, Điều 429, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 184, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 138, Điều 140, Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014;

- Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà M 1; sửa một phần bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H Việt Nam đối với Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1.

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1 phải thanh toán tiền cho Công ty TNHH H Việt Nam số tiền là: **130.904.109 đồng** *(Một trăm ba mươi triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng*), bao gồm: Tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 30.904.109 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ ngày 02/7/2019 đến ngày 27/01/2021.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1 phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là **6.545.205 đồng** (*sáu triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm lẻ năm đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H Việt Nam số tiền tạm ứng án phí **7.522.935 đồng** (*bảy triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm ba mươi năm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008795 ngày 26/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T3, thành phố Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty cổ phần đầu tư Phát triển nhà M 1 phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (*đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004237 ngày 20/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận T3, thành phố Hà Nội*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. T3;
- Chi cục THADS Q. T3;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Xuân Tuấn **Nguyễn Thái Sơn** **Bùi Đức Bằng**

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. T3;
- Chi cục THADS Q. T3;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng